

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN VẠN THỊNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - PHÁT TRIỂN VẠN THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VAN THINH PHAT INVESTMENT - DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VAN THINH PHAT ID., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108157662

**3. Ngày thành lập:** 02/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 70C, phố An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0246.659.3269

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động thông tấn                                                                                                                                                                                   | 6321     |
| 2.  | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua Hợp đồng hay trên cơ sở phí; Các dịch vụ cắt xén thông tin báo chí... | 6329     |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                            | 8230     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                             | 8299     |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                 | 4100     |
| 6.  | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                        | 7010     |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)                                                                                                                  | 7020     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: Thiết kế và phác thảo công trình, lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; Thiết kế máy móc, thiết bị; Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình, thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; Thẩm tra thiết kế; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. | 7110 |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4311 |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4329 |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Hoạt động tư vấn đầu tư; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6619 |
| 14. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410 |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4210 |
| 17. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4220 |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống..., đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời; Chia tách đất với cải tạo đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4290 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330 |
| 21. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Đại lý; Môi giới thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610 |

|     |                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Cổng thông tin                                                                                                             | 6312        |
| 23. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất) | 6820(Chính) |
| 24. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                           | 8020        |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                    | 8110        |
| 26. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                      | 8211        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức        | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN HÙNG  | Số 119 phố Cuối, khu 5, Thị trấn Gia Lộc, Huyện Gia Lộc, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 375.000    | 3.750.000.000         | 75,000    | 142546659                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 375.000    | 3.750.000.000         | 75,000    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THẾ VIỆT      | Tổ 46, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 013570523                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 3   | ĐÀO VIỆT SƠN     | 39 nhà C, TT Nguyễn Công Trứ, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 010030209                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN VĂN DŨNG  | Thôn 5, Xã Yên Sở, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    | 011659397                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN NGỌC DŨNG | Số 2 ngõ 339 Thịnh Yên, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     | 010117722                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                             | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 5,000     |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THẾ VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 20/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013570523

Ngày cấp: 14/07/2012

Nơi cấp: Công An TP. Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 46, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 46, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội